

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02a/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20-01-2025

V/v: Ly hôn giữa

chị Th và anh N

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Xuân Tú

2. Bà Trần Thị Nơi

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1994; có mặt.

Địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. **Bị đơn:** anh Bùi Đức N, sinh năm 1993; có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07-10-2024; các bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: chị kết hôn với anh Bùi Đức N do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 05-7-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày nên vợ chồng hay xảy ra cãi chửi nhau. Tháng 4-2021, vợ chồng mâu thuẫn trầm

trọng và sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

Về nuôi con chung: chị và anh N có 01 con chung là Bùi Đình Ph, sinh ngày 04-9-2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung do anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị vẫn thường xuyên quan tâm chăm nom cháu Ph. Vì chị thường xuyên đi làm ăn xa, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc cháu Ph nên khi ly hôn, chị nhường cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph, chị không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh N.

Về chia tài sản: chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 13-12-2024 và đơn đề nghị ngày 20-12-2024, bị đơn anh Bùi Đức N trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 05-7-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 4-2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4-2021 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Th khởi kiện ly hôn, anh nhất trí.

Về nuôi con chung: anh và chị Th có 01 con chung là Bùi Đình Ph, sinh ngày 04-9-2018. Hiện nay cháu Ph đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về chia tài sản chung: anh và chị Th không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận nên anh xin vắng mặt tại các lần triệu tập, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: xử cho chị

Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Bùi Đức N; về nuôi con chung: chị Th và anh N có 01 con chung là Bùi Đình Ph, sinh ngày 04-9-2018. Giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph, chị Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh N; về chia tài sản: chị Th, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí: chị Th phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Bùi Đức N. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Anh N đang cư trú tại tổ dân phố B, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Đức N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 05-7-2018 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng nhau về quan điểm sống. Chị Th và anh N đã sống ly thân nhau từ tháng 4-2021. Hội đồng xét xử thấy: vợ chồng chị Th, anh N sống ly thân nhau đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Th được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: chị Th và anh N có 01 con chung là Bùi Đình Ph, sinh ngày 04-9-2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh N là người trực tiếp nuôi cháu Ph, chị Th và anh N đều thống nhất để anh N trực tiếp nuôi con chung. Chị Th thường xuyên đi làm ăn xa, không có điều kiện chăm sóc cháu Ph. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph, chị Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh N là phù hợp với quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản: chị Th, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị Th phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Đức N.
2. Về nuôi con chung: giao cho anh Bùi Đức N trực tiếp nuôi con chung là Bùi Đình Ph, sinh ngày 04-9-2018, chị Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N. Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về chia tài sản: chị Th, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003939 ngày 22-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.
5. Quyền kháng cáo: chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên